

LỜI MỞ ĐẦU

Tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ là mối quan tâm hàng đầu của tất cả các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp thương mại nói riêng. Thực tiễn cho thấy thích ứng với mỗi cơ chế quản lý, công tác tiêu thụ và xác định kết quả tiêu thụ được thực hiện bằng các hình thức khác nhau. Trong nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung Nhà nước quản lý kinh tế chủ yếu bằng mệnh lệnh. Các cơ quan hành chính kinh tế can thiệp sâu vào nghiệp vụ sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nhưng lại không chịu trách nhiệm về các quyết định của mình. Hoạt động tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá trong thời kỳ này chủ yếu là giao nộp sản phẩm, hàng hoá cho các đơn vị theo địa chỉ và giá cả do Nhà nước định sẵn. Tóm lại, trong nền kinh tế tập trung khi mà ba vấn đề trung tâm: Sản xuất cái gì ? Bằng cách nào? Cho ai ? đều do Nhà nước quyết định thì công tác tiêu thụ hàng hoá và xác định kết quả tiêu thụ chỉ là việc tổ chức bán sản phẩm, hàng hoá sản xuất ra theo kế hoạch và giá cả được ấn định từ trước. Trong nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp phải tự mình quyết định ba vấn đề trung tâm thì vấn đề này trở nên vô cùng quan trọng vì nếu doanh nghiệp nào tổ chức tốt nghiệp vụ tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá đảm bảo thu hồi vốn, bù đắp các chi phí đã bỏ ra và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh sẽ có điều kiện tồn tại và phát triển. Ngược lại, doanh nghiệp nào không tiêu thụ được hàng hoá của mình, xác định không chính xác kết quả bán hàng sẽ dẫn đến tình trạng “lãi giả, lỗ thật” thì sớm muộn cũng đi đến chỗ phá sản. Thực tế nền kinh tế thị trường đã và đang cho thấy rõ điều đó.

Để quản lý được tốt nghiệp vụ tiêu thụ hàng hoá thì kế toán với tư cách là một công cụ quản lý kinh tế cũng phải được thay đổi và hoàn thiện hơn cho phù hợp với tình hình mới.

Nhận thức được ý nghĩa quan trọng của vấn đề trên, qua quá trình thực tập ở Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo hướng dẫn Thạc sỹ Nguyễn Thị Mỹ cùng với sự giúp đỡ của các cán bộ kế toán trong phòng Kế toán công ty , em đã thực hiện chuyên đề tốt nghiệp của mình với đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ hàng hóa tại công ty CP Kinh tế Hoàng Gia”***. Chuyên đề tốt nghiệp gồm 3 phần:

Phần I: Tổng quan về Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia;

Phần II: Thực trạng về kế toán tiêu thụ hàng hóa tại Công ty Cổ phần Kinh Tế Hoàng Gia;

Chương III : Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ hàng hóa tại Công ty Cổ phần Kinh Tế Hoàng Gia;

Do thời gian có hạn nên chuyên đề này không tránh khỏi những thiếu sót và khiếm khuyết . Kính mong sự chỉ bảo, đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo và các bạn để chuyên đề này được hoàn thiện hơn .

Em xin chân thành cảm ơn!

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ HOÀNG GIA

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia

1.1.1. Giới thiệu chung về công ty

1.1.1.1. Tên gọi

Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia

Tên giao dịch quốc tế: Hoang Gia Economic join stock company;

Trụ sở chính: Số 12A, ngõ Bà Triệu, phố Bà Triệu, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 39429896

Fax: (84-4) 39747370

1.1.1.2. Hình thức tổ chức

Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia được Sở Kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số: 0103021085 lần đầu ngày 05/02/2006.

Sau khi tăng vốn điều lệ từ số vốn ban đầu là 6.800.000.000đ (Sáu tỷ, tám trăm triệu đồng chẵn./.) lên 28.000.000.000đ (hai tám tỷ đồng chẵn./.), công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần thứ nhất) ngày 05/12/2007 và vẫn hoạt động ổn định từ đó đến nay.

1.1.2. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

Giai đoạn cuối năm 2005, đầu năm 2006, với tầm nhìn chiến lược, các cổ đông sáng lập của công ty đã nhận thấy được thị trường rộng mở tại Việt Nam của những mặt hàng làm từ liệu sản xuất và tiêu dùng như: hạt nhựa

nguyên sinh, kim loại đen (sắt thép xây dựng các loại), kim loại màu (đồng katốt, nhôm thỏi..), hoá chất công nghiệp.... nên đã nhanh chóng cho ra đời Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia nhằm cung ứng các tư liệu sản xuất và tiêu dùng trên tại Việt Nam.

Ban đầu, với 6.8 tỷ đồng, công ty bắt tay vào kinh doanh mặt hàng nhựa nguyên sinh, nguồn hàng chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài (Hàn quốc, Trung quốc..). Hàng nhập về được cung ứng cho các nhà phân phối và các nhà sản xuất dùng nguyên liệu nhựa sạch (nhựa nguyên sinh).

Thâu tóm được thị trường hạt nhựa cùng với những thành công nhất định, năm 2007 công ty quyết định dung lợi nhuận năm trước để bổ sung vốn điều lệ lên 28tỷ đồng và tiếp tục với tay xa hơn tới những mặt hàng yêu cầu phải đầu tư vốn lớn hơn là kim loại đen (bao gồm sắt thép các loại), kim loại màu (nhôm thỏi, đồng ka tốt). Với những mặt hàng này khách hàng chủ yếu của công ty là những nhà phân phối lớn, các nhà sản xuất có uy tín trên thị trường như Công ty CP thép Vinh Đa, Công ty CP Ngôi nhà Ánh Dương, Tập đoàn Hoà Phát...

Không chỉ dừng lại ở đó, năm 2008 công ty đã chọn mặt hàng hoá chất công nghiệp để tiếp tục đầu tư. Mặt hàng hoá chất chủ yếu là: hoá chất phục vụ công nghiệp, phân bón các loại... cũng được nhập ngoại chủ yếu từ Trung Quốc. Bằng sự nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên, công ty không ngừng phát triển và cung cấp cho thị trường những mặt hàng chất lượng cao với nhiều chủng loại phong phú, đa dạng làm vừa lòng cả những khách hàng khó tính nhất trên thị trường.

Sau hơn 3 năm xây dựng và trưởng thành, Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia đã đạt được những thành tựu nhất định Do vậy công ty không ngừng mở rộng quy mô, cải thiện cung cách phục vụ, đáp ứng nhu cầu thị trường, giải

quyết công ăn việc làm, đảm bảo thu nhập và cải thiện đời sống của 40 cán bộ công nhân viên - tài sản quý giá của Công ty.

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia kể từ ngày thành lập tới nay đã không ngừng phát triển và trở thành một công ty có uy tín hàng đầu về phân phối, cung cấp những tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng cho thị trường Miền Bắc và Miền Trung.

1.2. Đặc điểm kinh doanh và tổ chức kinh doanh của Công ty

1.2.1. Đặc điểm và ngành nghề kinh doanh

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia là công ty kinh doanh thương mại, hoạt động trong lĩnh vực cung ứng tư liệu sản xuất, tiêu dùng cho thị trường miền Bắc và miền Trung.

1.2.2. Đặc điểm tổ chức kinh doanh của công ty

Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia hoạt động theo luật doanh nghiệp, là công ty có tư cách pháp nhân, hạch toán kinh tế độc lập, có con dấu riêng, tài khoản riêng mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Sở giao dịch).

Nhằm thúc đẩy kinh doanh, mở rộng thị trường công ty thường quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng về các sản phẩm, xúc tiến bán và giới thiệu sản phẩm ở các hội nghị khách hàng, hội trợ triển lãm... Đặc biệt trong công tác kinh doanh, công ty lấy dịch vụ sau bán hàng làm đòn bẩy, cung cấp hàng hoá dịch vụ nhanh chóng, kịp thời, miễn phí vận chuyển.

1.3. Đặc điểm tổ chức quản lý và chức năng nhiệm vụ của công ty

1.3.1. Cơ cấu tổ chức của công ty

1.3.1.1. Bộ máy quản lý của công ty

- ❖ Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị và các cổ đông
- ❖ Ban lãnh đạo: Tổng giám đốc, các giám đốc bộ phận
- ❖ Các phòng, ban chức năng:

- Phòng kinh doanh
- Phòng kế toán
- Phòng tổ chức - hành chính

2.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của công ty**2.1.1. Nội dung tổ chức và chức năng nhiệm vụ của bộ máy kế toán.**

Tại Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia, công tác hạch toán kế toán do Phòng kế toán đảm nhiệm. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo hình thức tập trung cùng thực hiện các công việc mà lãnh đạo công ty giao phó: quản lý nguồn vốn của công ty, quản lý và cân đối nguồn hàng, quản lý hệ thống lương toàn công ty, quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu kế toán và kết hợp với Giám đốc tài chính giải quyết các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán của công ty.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của các bộ phận như sau:

- Trưởng phòng kế toán: Là người có quyền hạn và chịu trách nhiệm cao nhất trong phòng, có nhiệm vụ phân công phân nhiệm cho các nhân viên trong phòng đảm bảo kết quả hoạt động cao nhất. Kế toán trưởng cũng là người chịu trách nhiệm trực tiếp trong công ty về công tác quản lý tài chính kế toán và cùng thực hiện nhiệm vụ quản trị doanh nghiệp.

- Bộ phận kế toán vật tư, hàng hoá: Chịu trách nhiệm quản lý về sự tăng, giảm vật tư, hàng hoá của công ty trong quá trình nhập, xuất vật tư, hàng hoá từ khâu mua vào đến khâu tiêu thụ trên sổ sách; cùng với thủ kho thực hiện kiểm kê vật tư hàng hoá cuối kỳ kế toán và khi có yêu cầu.

- Thủ quỹ - kế toán tiền mặt: Có trách nhiệm quản lý tiền mặt, chịu trách nhiệm thu – chi tiền mặt khi có đủ giấy tờ hợp lệ và hàng ngày kiểm tra số tiền mặt tồn quỹ của công ty.

- Kế toán thanh toán: Chịu trách nhiệm theo dõi, phân loại các khoản phải thu, phải trả theo thời hạn thanh toán để có biện pháp huy động vốn kịp thời.

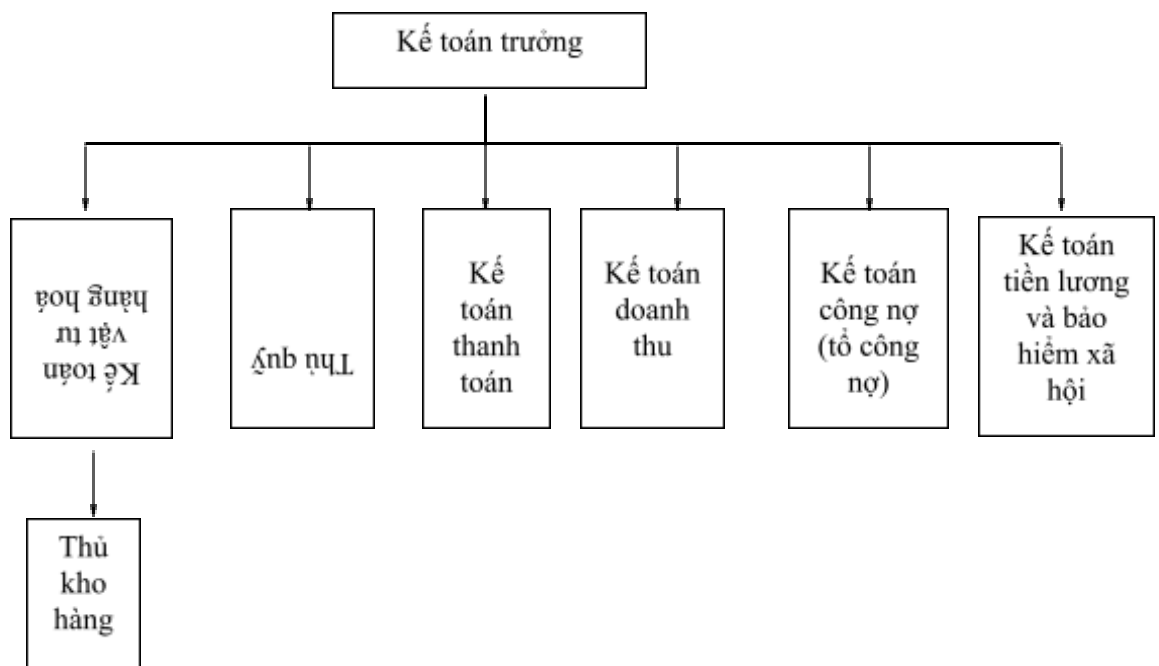
- Kế toán doanh thu – xác định kết quả: Chịu trách nhiệm quản lý doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. Kết hợp với các bộ phận khác để xác định kết quả kinh doanh của công ty.

- Kế toán công nợ (tổ công nợ): Chịu trách nhiệm theo dõi các khoản phải thu khách hàng, liên hệ với khách hàng để thu tiền, tiền thu về giao thủ quỹ quản lý.

- Kế toán tiền lương và bảo hiểm xã hội: Chịu trách nhiệm tính ra lương, các khoản trích theo lương và các thu nhập khác của công nhân viên trong công ty.

2.1.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo sơ đồ sau:



Sơ đồ 2: Bộ máy tổ chức phòng kế toán tại Công ty

2.2. Đặc điểm vận dụng chế độ, chính sách kế toán của công ty**2.2.1. Thông tin chung về tổ chức công tác kế toán tại công ty**

- Niên độ kế toán : từ 01/01 đến 31/12 hàng năm (năm Dương lịch)
- Kỳ hạch toán: Công ty hạch toán theo quý
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Việt Nam đồng (VNĐ). Hiện nay, kế toán tại công ty không tiến hành hạch toán ngoại tệ, nếu phát sinh các giao dịch liên quan đến ngoại tệ thì quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng trong ngày và ghi nhận như một giao dịch bằng tiền VNĐ.

- Hình thức kế toán áp dụng tại công ty là hình thức Nhật ký chung.
- Phương pháp kế toán tài sản cố định: TSCĐ của công ty được xác định nguyên giá theo nguyên tắc giá phí và được tính khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng với tỷ lệ khấu hao quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ - BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên
- Phương pháp tính giá hàng tồn kho xuất: Giá bình quân cả kỳ dự trữ (theo tháng)

2.2.2. Hệ thống chứng từ kế toán

Tuỳ vào mỗi phần hành và theo quy định của chế độ mà sử dụng những chứng từ cho phù hợp. Hiện nay, công ty thường sử dụng các loại chứng từ chủ yếu sau:

Phần hành kế toán	Chứng từ	Số hiệu chứng từ	Loại
Hàng tồn kho	Phiếu nhập kho	01-VT	HD
	Phiếu xuất kho	02-VT	HD
	Phiếu báo vật tư còn lại cuối kỳ	04-VT	HD
	Biên bản kiểm kê vật tư, sản phẩm, hàng hoá	05-VT	HD
Tiền mặt, tiền gửi, tiền vay	Phiếu thu	01-TT	BB
	Phiếu chi	02-TT	BB
	Giấy đề nghị tạm ứng	03-TT	HD
	Giấy thanh toán tiền tạm ứng	04-TT	HD
	Biên lai thu tiền	06-TT	BB
	Bảng kiểm kê quỹ	08a-TT	HD
Tiền lương và nhân viên	Bảng chấm công	01-LĐTL	HD
	Bảng thanh toán tiền lương	02-LĐTL	HD
	Bảng thanh toán tiền thưởng	03-LĐTL	HD
	Phiếu xác nhận sản phẩm-công việc hoàn thành	05-LĐTL	HD
	Bảng phân bổ tiền lương và BHXH	11-LĐTL	HD
	Giấy chứng nhận nghỉ ốm hưởng BHXH		HD
Mua bán hàng	Hoá đơn giá trị gia tăng	01 GTKT-3LL	BB
	Hoá đơn bán hàng thông thường	02GTTT-3LL	BB
Tài sản cố định	Biên bản giao nhận TSCĐ	01-TSCĐ	HD
	Biên bản thanh lý TSCĐ	02-TSCĐ	HD
	Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ	06-TSCĐ	HD

Bảng 2: Hệ thống chứng từ kế toán tại công ty

Bên cạnh đó công ty cũng sử dụng thêm một số chứng từ khác mang tính chất hướng dẫn, nhằm phục vụ nhu cầu thông tin và quản lý trong nội bộ công ty: Giấy đề nghị thanh toán, Giấy báo thôi trả lương,...

2.2.3. Hệ thống tài khoản kế toán

Hệ thống tài khoản kế toán của công ty được áp dụng theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Các tài khoản được mở chi tiết như sau:

- Tài khoản công nợ: được mở chi tiết theo các đối tượng công nợ và theo tính chất công nợ.
- Tài khoản doanh thu: Chi tiết theo tính chất của khoản doanh thu (doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính...)
- Tài khoản chi phí được mở chi tiết theo các hướng: Chi tiết theo khoản mục; chi tiết theo nội dung của khoản chi

2.2.4. Hệ thống sổ kế toán

Hiện nay, công ty đang áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung. Hình thức này tương đối đơn giản, phù hợp với công ty và có nhiều thuận lợi trong việc ứng dụng phần mềm máy tính trong xử lý thông tin kế toán trên sổ. Các loại sổ kế toán công ty sử dụng tương ứng với hình thức Nhật ký chung gồm có:

- Nhật ký chung
- Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái các tài khoản
- Các Sổ, Thẻ kế toán chi tiết

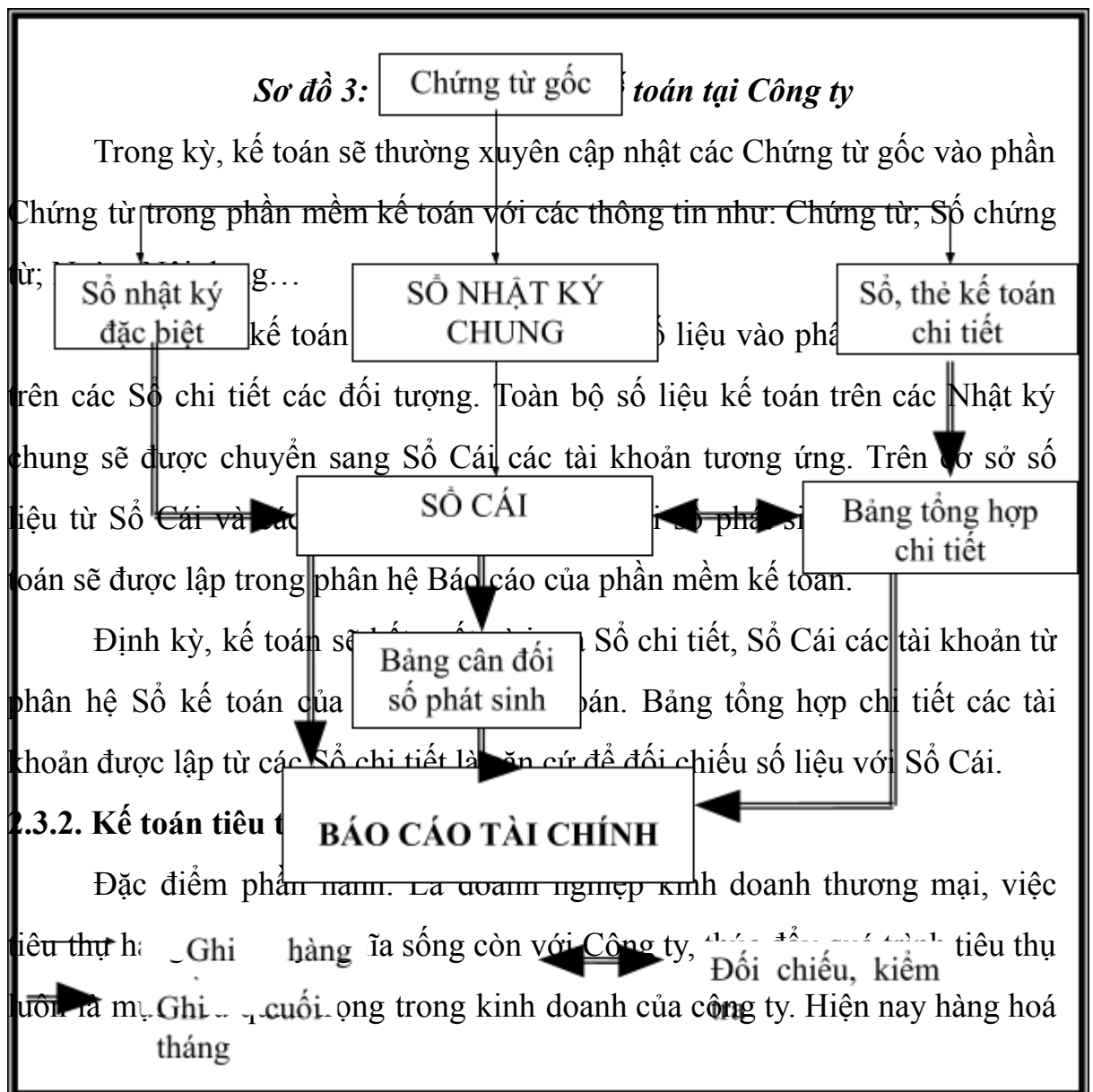
Toàn bộ hệ thống sổ sách kế toán nói trên được lưu trữ trong phần mềm kế toán máy của công ty với tên gọi là Misa R6 phiên bản 7.9. Việc sử dụng phần mềm Misa R6 phiên bản 7.9 được thực hiện qua các bước sau:

Bước 1 - Cập nhật dữ liệu ban đầu. Đây là những công việc làm một lần, được thực hiện khi công ty bắt đầu đưa kế toán máy vào thay thế kế toán thủ công. Các thông tin cần cập nhật bao gồm các dữ liệu về quản trị hệ thống và các dữ liệu kế toán ban đầu

Bước 2 - Thực hiện các công việc thường xuyên. Kế toán thường xuyên cập nhật các chứng từ liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ vào phần Chứng từ trong phần mềm kế toán. Các chứng từ được cập nhật bao gồm cả các chứng từ gốc liên quan đến nghiệp vụ kinh tế và các phiếu kế toán lập định kỳ.

Bước 3 - Xử lý dữ liệu và kết xuất các báo cáo: Định kỳ, kế toán lập các phiếu kế toán và nhập vào màn hình cập nhật chứng từ như một nghiệp vụ kinh tế thông thường, từ đó chương trình sẽ tự động tổng hợp các báo cáo kế toán và kết xuất theo yêu cầu.

❖ Trình tự ghi sổ kế toán và lập báo cáo theo hình thức Nhật ký chung:



tại công ty được tiêu thụ theo nhiều phương thức khác nhau đáp ứng mọi yêu cầu của khách hàng: bán hàng trực tiếp, chuyển hàng theo hợp đồng, tiêu thụ qua đại lý,...

Chứng từ sử dụng: Phiếu xuất kho; Hoá đơn giá trị gia tăng; Phiếu thu; Sổ chi tiết giá vốn hàng bán; Sổ chi tiết bán hàng; Sổ cái TK632, TK511...; Nhật ký chung TK632, 511,...; Sổ đăng ký Nhật ký chung...

Tài khoản sử dụng: TK156 – hàng hóa, TK157 – hàng gửi bán, TK632 – giá vốn hàng bán, TK511 – doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các TK khác liên quan: TK111, 112, 131, 333,...

2.3.3. Kế toán vốn bằng tiền

Đặc điểm phân hành: Tiền nói chung và tiền mặt nói riêng là tài sản tồn tại trực tiếp, nó phản ánh khả năng thanh toán tức thời của doanh nghiệp. Mặt khác đây là loại vốn rất dễ bị tham ô, lợi dụng, mất mát. Do đó hạch toán vốn bằng tiền cần phải tuân thủ các nguyên tắc, chế độ một cách chặt chẽ. Tại Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia, vốn bằng tiền do thủ quỹ quản lý và kế toán thanh toán hạch toán.

Chứng từ sử dụng: Phiếu thu; Phiếu chi; Giấy báo nợ - báo có của Ngân hàng; Hoá đơn giá trị gia tăng; Hoá đơn mua hàng; ...

Tài khoản sử dụng: TK111 - tiền mặt, TK112 - tiền gửi ngân hàng, TK113 - tiền đang chuyển, các TK khác liên quan: TK156, 157, 131, 331, 511...

2.2.4. Hệ thống Báo cáo kế toán

Báo cáo tài chính là loại báo cáo kế toán quan trọng nhất, tổng hợp tình hình tài sản, vốn chủ sở hữu cũng như công nợ và kết quả hoạt động trong kỳ của công ty. Công ty tiến hành lập Báo cáo tài chính hàng năm gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính

Ngoài các Báo cáo tài chính, để phục vụ cho nhu cầu quản trị của lãnh đạo công ty, kế toán cũng tiến hành lập các Báo cáo quản trị khi có yêu cầu.

- Báo cáo quỹ tiền mặt hàng tháng
- Báo cáo tiền gửi ngân hàng hàng tháng
- Báo cáo kiểm kê hàng tồn kho hàng tháng
- Báo cáo doanh thu, chi phí, kết quả
- Báo cáo chi tiết tăng giảm phải thu/phải trả
- Báo cáo phân tích kết quả hoạt động kinh doanh

2.3. Đặc điểm tổ chức một số phân hành kế toán chủ yếu tại công ty

Là công ty kinh doanh thương mại, công ty tiến hành tổ chức một số phân hành kế toán chủ yếu sau:

- Kế toán hàng hoá
- Kế toán tiêu thụ hàng hoá
- Kế toán tiền lương và BHXH
- Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp
- Kế toán xác định kết quả tiêu thụ và kết quả kinh doanh.

2.3.1. Kế toán hàng hoá tại công ty

Đặc điểm phân hành: Công ty cổ phần Kinh tế Hoàng Gia là nhà phân phối và cung cấp các loại hạt nhựa nguyên sinh, kim loại đen, kim loại màu... nên hàng hoá vật tư của công ty chủ yếu do nhập khẩu trực tiếp từ nước ngoài. Sau đó công ty sẽ cung cấp cho thị trường theo các đơn đặt hàng mà công ty đã ký hợp đồng hay khi khách hàng có nhu cầu. Bên cạnh đó công ty còn cung cấp các dịch vụ liên quan đến sản phẩm nhằm thoả mãn tốt nhất nhu cầu của khách hàng. Do vậy vật tư hàng hoá của công ty được tổ chức hạch toán rất cụ thể, đảm bảo tính chủ động trong cung cấp hàng hoá của công ty.

Mọi nghiệp vụ về nhập xuất kho hàng hoá của công ty khi phát sinh đều phải lập chứng từ một cách kịp thời, đầy đủ và hợp lệ làm cơ sở pháp lý cho việc nhập, xuất kho hàng hoá và làm căn cứ ghi sổ kế toán.

Chứng từ sử dụng chủ yếu: Đề nghị nhập - xuất hàng; Phiếu nhập kho; Thẻ kho; Hoá đơn giá trị gia tăng; Phiếu chi; Bảng kê nhập-xuất-tồn; Sổ chi tiết hàng hoá; Sổ cái TK156, 157, ...; Nhật ký chung TK156, 157,...; Sổ đăng ký Nhật ký chung....

Tài khoản sử dụng: TK156 – hàng hoá; TK151 – hàng mua đang đi đường; TK157 – hàng gửi bán; TK632 – giá vốn hàng bán; các TK khác có liên quan: TK111, TK112, TK331, TK133...

PHẦN II

THỰC TRẠNG VỀ KẾ TOÁN TIÊU THỤ HÀNG HÓA TẠI CÔNG TY CP KINH TẾ HOÀNG GIA

2.2. THỰC TẾ KẾ TOÁN TIÊU THỤ HÀNG HOÁ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN KINH TẾ HOÀNG GIA.

2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

Tại Công ty kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Giá vốn hàng xuất kho tiêu thụ được tính vào cuối mỗi tháng và được tính theo phương pháp bình quân cả kỳ dự trữ (1 kỳ được tính là 1 tháng). Chi phí thu mua hàng hoá không được theo dõi riêng trên TK 1562 - Chi phí thu mua hàng hoá mà được phản ánh trực tiếp trên TK 156 cùng với trị giá mua hàng nên không được phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ và tồn kho cuối kỳ. Phương pháp tính GVHB được đăng ký với cơ quan thuế và được áp dụng nhất quán trong 1 kỳ kế toán. Theo phương pháp này giá hàng xuất bán trong kỳ được tính theo công thức:

$$\begin{aligned} \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} &= \frac{\text{Giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}} \\ \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} &= \frac{\text{Giá thực tế hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng hóa nhập kho trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng hóa tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng hóa nhập kho trong kỳ}} \end{aligned}$$

Ví dụ: Trong tháng 02/2008 tại Công ty có số liệu nhập-xuất kho mặt hàng Nhôm thỏi như sau (Đơn vị: VND):

	Số lượng (tấn)	Đơn giá	Giá trị
Tồn đầu tháng	100	33.000.000	3.300.000.000
Nhập trong tháng	175	32.100.000	5.617.500.000

Tổng lượng hàng xuất kho trong tháng là

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{3.300.000.000 + 5.617.500.000}{32.427.273 + 175.000} = 32.427.273$$

Khi xuất 150 tấn Nhôm thời, giá vốn là:

$$= 150 \times 32.427.273$$

$$= 4.864.090.909$$

2.2.3. Kế toán tiêu thụ hàng hoá tại Công ty

Đối với những doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử, một lĩnh vực đầy cạnh tranh, luôn có sự dao động về cung cầu và sự biến động mạnh mẽ về giá cả của các sản phẩm trên thị trường, thì một yêu cầu đặt ra đối với việc quản lý công tác tiêu thụ hàng hoá của Công ty là phải đảm bảo nguồn hàng hoá đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nhưng đồng thời phải tránh tình trạng ứ đọng hàng gây tổn kém chi phí bảo quản, kho bãi; giảm sút chất lượng và giá cả. Bên cạnh đó phải nắm vững các điều kiện thuận lợi và khó khăn trong khâu tiêu thụ để có các biện pháp và chính sách kịp thời nhằm nâng cao khả năng tiêu thụ và cạnh tranh trên thị trường cũng như mở rộng thị phần tiêu thụ hàng hoá của Công ty.

Để thực hiện tốt các yêu cầu đặt ra, kế toán cần phản ánh chính xác tình hình tiêu thụ hàng hóa, ghi nhận đúng doanh thu, giá vốn và các chi phí liên quan cũng như các khoản thuế trong tiêu thụ hàng hoá để thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước; ghi nhận, theo dõi và thanh toán các khoản công nợ đối với khách hàng một cách chặt chẽ, đảm bảo lợi ích của cả doanh nghiệp và khách hàng. Hơn nữa, với đặc thù kinh doanh hàng hoá của Công ty, một yêu cầu quan trọng là theo dõi tình hình tiêu thụ hàng hoá theo từng hợp đồng kinh tế, từng đơn đặt hàng, từng gói thầu cũng như từng khách hàng lớn. Cụ thể, công tác kế toán tiêu thụ hàng hoá của Công ty được tổ chức như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
SH	Ngày, tháng				Nợ	Có
...						
084 5	08/0 2	Mua hàng của công ty Nhật Linh		156 1121	5.617.500.000	5.617.500.000
...						
005 5	25/0 2	Xuất bán cho công ty Ánh Dương		632 156	4.864.090.90 ⁹	4.864.090.90 ⁹
						

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu : Mẫu Sổ nhật ký chung

Từ Sổ nhật ký chung, thông tin về các nghiệp vụ mua bán hàng sẽ được phần mềm tự động xử lý và đưa vào Sổ nhật ký bán hàng (biểu 13).

Căn cứ vào Sổ nhật ký chung, phần mềm sẽ tự động cập nhật số liệu và cuối tháng kết xuất ra Sổ cái TK 156 và Sổ cái TK 632 như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng

Mẫu số: S03b-DN

Gia

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Hàng hóa

Số hiệu: 156

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	Mã khách	Tran g NKC	TK đối ứng	Số tiền	
SH	Ngày, tháng					Nợ	Có
	01/02	Dư đầu tháng				4.913.897.00 0	
	05/02	Hàng bán bị trả lại	HH		632	10.458.000	
084 5	08/0 2	Mua hàng công ty Nhật Linh	NL		1121	5.617.500.00 0	
...							...
005 5	25/0 2	Xuất bán cho công ty Ánh Dương	AD		632		4.864.090.90 9

							
		Cộng				5.627.958.00 0	4.864.090.90 9
		Tồn cuối tháng				5.677.764.09 1	

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 8: Mẫu sổ cái TK 156**Công ty CP Kinh tế Hoàng****Mẫu số: S03b-DN****Gia**

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán****Số hiệu: 632****Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008**

Chứng từ		Diễn giải	Mã khách	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
SH	Ngày, tháng					Nợ	Có
		Dư đầu tháng					
	05/02	Hàng bán bị trả lại	HH		156		10.458.000
...							
0055	25/02	Xuất bán cho công	AD		156	4.864.090.909	

		ty Ánh Dương					
							
	29/02	K/c GVHB			911		5.852.531.000
		Cộng				5.852.531.000	5.852.531.000
		Tồn cuối tháng					

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 9: Mẫu sổ cái TK 632

Doanh thu tiêu thụ hàng hóa phản ánh kết quả của quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, là chỉ tiêu mà các nhà quản trị đặc biệt quan tâm vì phục vụ cho quá trình đánh giá và xây dựng chiến lược trong kinh doanh, điều chỉnh lượng vốn đầu tư cũng như quyết định phát triển quy mô doanh nghiệp. Do đó doanh thu tiêu thụ hàng hóa phải được kế toán ghi nhận và phản ánh chính xác.

Doanh thu tiêu thụ hàng hóa là giá trị của hàng hóa được phòng Kinh doanh - Phân phối sản phẩm xác định dựa trên giá vốn hàng xuất kho, tình hình biến động giá cả của các mặt hàng cùng loại trên thị trường, chu kỳ sống của sản phẩm nhưng phải đảm bảo bù đắp giá vốn và chi phí bỏ ra, đồng thời đạt được lợi nhuận định mức. Giá bán này được thỏa thuận với khách hàng và được ghi chi tiết trên hợp đồng kinh tế và các chứng từ liên quan như hóa đơn kiêm phiếu xuất kho hàng hóa, hóa đơn GTGT. Hàng hóa của Công ty thuộc

đối tượng chịu thuế theo phương pháp khấu trừ nên doanh thu bán hàng được phản ánh theo giá bán chưa có thuế GTGT.

Khi có hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng ký kết với khách hàng, phòng Kinh doanh sẽ báo lên phòng Kế toán, và căn cứ vào lệnh xuất kho, kế toán sẽ lập hóa đơn GTGT. Hóa đơn GTGT bắt buộc phải lập đối với những đơn hàng có giá trị trên 100.000 đ. Những đơn hàng giá trị dưới 100.000 đ nếu khách hàng yêu cầu thì vẫn lập hóa đơn GTGT). Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên (đặt giấy than viết 1 lần):

Liên 1: lưu tại phòng kế toán làm căn cứ ghi sổ.

Liên 2: giao cho khách hàng.

Liên 3: luân chuyển trong đơn vị để xuất kho hàng hóa và làm thủ tục thanh toán.

Ví dụ về Hóa đơn GTGT được lập theo hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/HĐMB/KD như sau:

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 1: Lưu

Mẫu số: 01

GTKT-3LL

HS/2007B

0082398

Ngày 25 tháng 02 năm 2008

Đơn vị bán hàng: Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Địa chỉ: Số 12A – Ngõ Bà Triệu – Phố Bà Triệu – Hai Bà Trưng - Hà Nội

Số tài khoản: 002 1 00 0531 708

Điện thoại: (844) 9428567

MS: 0102556325

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Đăng Khanh.

Tên đơn vị: Công ty CP Ngôi nhà Ánh Dương

Địa chỉ: Số 36 - An Lão – Hải Phòng

Số tài khoản: 100114851005678

Hình thức thanh toán: CK

MS: 0101226437

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Nhôm thỏi	Tấn	150	35.640.000	5.346.000.000
					Cộng tiền hàng:
					5.346.000.000
Thuế suất GTGT		5%	Tiền thuế GTGT:		
			267.300.000		
					Tổng cộng tiền thanh toán:
					5.613.300.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm tỷ, sáu trăm mười ba triệu, ba trăm ngàn đồng chẵn./.

Người mua hàng**Người bán hàng****Thủ trưởng đơn vị**

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu 10: Mẫu hóa đơn GTGT

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” và được ghi nhận ngay sau khi doanh nghiệp đã cung cấp hàng hóa cho khách hàng kể cả thu tiền hay chưa thu tiền ngay (nhưng phải được khách hàng chấp nhận và cam kết thanh toán).

Doanh thu bán hàng phát sinh sẽ được nhập liệu và hạch toán trên phần mềm kế toán MISA. Cuối tháng, kế toán sẽ kết xuất và in ra sổ Nhật ký bán hàng và sổ cái TK 5111.

Nhật ký bán hàng là loại sổ chuyên dụng cho nghiệp vụ tiêu thụ hàng hóa, được mở theo tháng, được ghi chép hằng ngày nhằm theo dõi tình hình tiêu thụ hàng hóa của Công ty; đồng thời là cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu về doanh thu, thuế GTGT với các chứng từ và sổ sách kế toán liên quan, với các báo cáo bán hàng, báo cáo công nợ phải thu. Tại Công ty, sổ Nhật ký bán hàng được mở cho tất cả các loại hàng mà công ty kinh doanh. Số liệu các nghiệp vụ bán hàng do phần mềm MISA tự động bóc tách từ sổ Nhật ký chung và cập nhật vào sổ Nhật ký bán hàng.

Ví dụ: Đối với các nghiệp vụ bán hàng diễn ra trong tháng 02/2008 tại Công ty sẽ được ghi sổ Nhật ký bán hàng như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ BÁN HÀNG**Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008**

Chứng từ		Diễn giải	Mã khách	Ghi nợ TK	Ghi có TK 33311	Ghi có TK 511			Tổng cộng
Số hiệu	Ngày tháng					Hàng hóa	Thành phẩm	Dịch vụ	
	01/02	Bán cho Cty TNHH Đức Hà	ĐH	1111	8.700.000	87.000.000			95.700.000
...	...								
	21/02	Bán hàng cho Cty Tân Việt	TV	131	15.000.000	150.000.000			165.000.000
...							...	...	
0055	25/02	Xuất bán cho công ty Ánh Dương	AD	1121	267.300.000	5.346.000.000			5.613.300.000
		Tổng cộng			860.670.000	8.013.330.000			8.874.000.000

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 13: Mẫu sổ Nhật ký bán hàng

Từ sổ Nhật ký bán hàng, số liệu được cập nhật vào Sổ cái TK 5111 như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5111

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	Mã khách	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT					Nợ	Có
	01/02	Bán hàng cho cty Đức Hà	ĐH		1111		87.000.000
.....					...		
	21/02	Bán hàng cho Cty Tân Việt TV	TV		131		150.000.000
0055	25/02	Bán hàng cho công ty Ánh Dương	AD		1121		5.346.000.000
	29/02	K/c hàng bán bị trả lại			531	10.950.000	
	29/02	K/c doanh thu thuần			911	8.013.330.000	
		Tổng				8.013.330.000	8.013.330.000
		Dư cuối tháng					

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 14: Mẫu Sổ cái TK 5111*2.2.3.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*☐ **Kế toán Chiết khấu thương mại**

Chiết khấu thương mại được áp dụng với những khách hàng tiêu thụ khối lượng hàng lớn của Công ty. Khoản chiết khấu này được ghi cụ thể trên hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng hoặc giấy ghi nhận nợ của khách hàng. Như đã trình bày ở trên Chiết khấu thương mại của Công ty bao gồm bớt giá và hồi khấu. Bớt giá được áp dụng cho các khách hàng do mua hàng với số lượng lớn tính trên 1 hợp đồng. Hồi khấu là số tiền thưởng cho khách hàng do khối lượng hàng mua tính trên tổng các hợp đồng kinh tế đã thực hiện trong kỳ (tại Công ty áp dụng là 1 quý) là đáng kể. Mức bớt giá được quy định rõ trên hợp đồng mua bán hàng hóa, mức hồi khấu được điều chỉnh trên hợp đồng cuối cùng thực hiện trong quý. Đối với bớt giá mức chiết khấu thường được áp dụng là 1% giá trị lô hàng. Trường hợp hồi khấu mức chiết khấu tùy vào tổng giá trị các hợp đồng thực hiện (ví dụ đối với Cty Cp Ngôi nhà Ánh Dương đã nêu trên mức hồi khấu áp dụng là 1%).

Tại Công ty, các khoản chiết khấu thương mại không được phản ánh vào TK 521 “Chiết khấu thương mại” mà được trừ trực tiếp vào giá bán trên hoá đơn GTGT. Do đó khoản chiết khấu này được phản ánh trực tiếp vào TK 511 “doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” chứ không đợi đến cuối kỳ mới kết chuyển.

Ví dụ trường hợp hồi khấu cho Cty Cp Ngôi nhà Ánh Dương cuối quý 01/2008 sẽ được hạch toán như sau:

Nợ TK 5111: 53.460.000

Nợ TK 33311: 2.673.000

Có TK 1111: 56.133.000

☐ **Kế toán Hàng bán bị trả lại**

Nghiệp vụ Hàng bán bị trả lại phát sinh khi những hàng hoá doanh nghiệp đã bán cho khách hàng nhưng giao hàng không đúng quy cách, phẩm chất hoặc không đúng điều kiện trong hợp đồng. Hàng hoá bị trả lại được nhập kho theo trị giá vốn hàng xuất bán, chi phí phát sinh trong quá trình bán hàng được phản ánh vào chi phí bán hàng. Trên thực tế những mặt hàng này thường được Công ty giảm giá để tiêu thụ cho khách hàng. Và khoản giảm giá được kế toán ghi nhận như một chi phí bán hàng.

Khi nhận được thông báo trả lại hàng hóa từ khách hàng, phòng Kinh doanh - phân phối sản phẩm sẽ căn cứ vào hóa đơn GTGT đã giao cho khách hàng và hợp đồng kinh tế hoặc đơn đặt hàng đã ký kết trước đó để kiểm tra các điều kiện về quy cách, phẩm chất hàng hóa đã quy định trong hợp đồng. Nếu do lỗi phát sinh từ phía Công ty thì kế toán kho sẽ lập Phiếu nhập kho (2 liên) để nhập kho hàng hóa bị trả lại và thanh toán với khách hàng. Việc nhập kho hàng bán bị trả lại sẽ được thủ kho ghi thẻ kho và phòng kế toán nhập liệu ghi sổ chi tiết hàng hóa.

Ví dụ: Ngày 05/02/2008, Công ty CP Hóa chất Hòa Hưng trả lại 1 tấn Xút NaOH 96% mua ngày 28/01/2008 do hàng hóa không đạt tiêu chuẩn về chất lượng. Công ty này đã gửi “Biên bản trả lại hàng hóa” kèm hóa đơn GTGT và chở hàng đến kho hàng của Cty CP Kinh tế Hoàng Gia. Các bộ phận liên quan đã kiểm tra và xác nhận các thông số kỹ thuật sai sót trong “Biên bản kiểm nhận hàng hóa bị trả lại”. Sau khi ban Giám đốc ký duyệt, kế toán kho lập “Phiếu nhập kho”, thủ kho ghi thẻ kho và chuyển chứng từ lên phòng kế toán.

Đồng thời để theo dõi và quản lý lượng hàng bị trả lại này trên phần mềm, kế toán sẽ nhập liệu vào giao diện phần mềm “Phiếu nhập hàng bán bị trả lại” như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

PHIẾU NHẬP HÀNG BÁN BỊ TRẢ LẠI

Ngày 05/02/2008

Họ và tên người giao hàng: Công ty CP Hóa chất Hòa Hưng

Địa chỉ: Số 3 Giang Văn Minh – Hà nội.

Diễn giải: Trả lại hàng Xút NaOH 96%

Theo HĐKT số 002455 Ngày 28 Tháng 01 Năm 2008

Nhập tại kho: Hóa chất

STT	Mã kho	Mã hàng	Tên hàng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	05	NaOH 96	Xút NaOH 96%	Tấn	01	10.950.0 00	10.950.00 0
Tổng cộng					01		10.950.00 0

Bằng chữ: mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 05 tháng 02 năm 2008

Người giao hàng**Người nhận hàng****Thủ kho**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 15: Mẫu “Phiếu nhập hàng bán bị trả lại” (giao diện phần mềm MISA)

Nghiệp vụ này được định khoản như sau:

Nợ TK 156: 10.458.000

Có TK 632: 10.458.000

Nợ TK 531: 10.950.000

Nợ TK 33311: 1.095.000

Có TK 131: 12.045.000

Nợ TK 5111: 10.950.000

Có TK 531: 10.950.000

Đến cuối kỳ, phần mềm MISA sẽ tự kết xuất ra “Sổ cái TK 531” như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số: 48006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Hàng bán bị trả lại****Số hiệu: 531****Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008**

Chứng từ		Diễn giải	Mã hàng	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT					Nợ	Có
		Dư đầu tháng					
	05/02	Hàng bán bị trả lại	NaOH 96		131	10.950.000	
...							
		K/c hàng bán bị trả lại			5111		25.663.000
		Tổng				25.663.000	25.663.000
		Dư cuối kỳ					0

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 16: Mẫu Sổ cái TK 531☐ **Kế toán giảm giá hàng bán**

Giảm giá hàng bán tại Công ty chỉ được áp dụng trong những trường hợp hàng hóa đã xuất bán nhưng không đảm bảo đúng yêu cầu về quy cách đã thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế để tiêu thụ cho khách hàng và khoản này được Kế toán ghi nhận như một chi phí bán hàng.

Ví dụ ngày 15/02/2008 Công ty cổ phần Quốc tế SUN IVY lập “Biên bản trả lại hàng hóa” lô hàng gồm 02 tấn hạt nhựa HPP, đơn giá 24.750.000

VND (đã tính thuế GTGT 10%) do không đủ quy cách quy định trong hợp đồng kinh tế (đã thanh toán). Công ty đã thỏa thuận và giảm giá 20% tổng giá trị lô hàng trên để tiêu thụ lại và đã được Công ty cổ phần Quốc tế SUN IVY chấp thuận. Khoản giảm giá này được tính và hạch toán như sau:

Giảm giá hàng bán = 20% X (24.750.000 X 2) = 9.900.000 VND.

Nợ TK 6418: 9.900.000

Có TK 1111: 9.900.000

2.2.3.4. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

□ Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng bao gồm chi phí của quá trình chuẩn bị bán hàng và chi phí của quá trình bán hàng. Chi phí bán hàng được phản ánh qua TK 641 “Chi phí bán hàng” và tại Công ty kế toán mở 6 TK cấp 2 sau:

- TK 6421 “Chi phí nhân viên”: Chi phí phải trả cho nhân viên bán hàng; nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản hàng hoá;...

- TK 6422 “Chi phí vật liệu, bao bì”: Chi phí về vật bao gói; chi phí nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc dỡ, vận chuyển... Chi phí này được theo dõi thông qua hóa đơn GTGT.

- TK 6424 “Chi phí khấu hao TSCĐ”: Khấu hao nhà kho, các phương tiện bốc xếp, phương tiện tính toán, kiểm nghiệm,...

- TK 6427 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”: Tiền thuê kho bãi, thuê vận chuyển, tiền hoa hồng cho đại lý bán hàng,...

- TK 6428 “Chi phí bằng tiền khác”: Chi phí Marketing, in catalogue, giới thiệu sản phẩm; chi phí hội nghị bán hàng; ...

Cuối tháng, kế toán sẽ tiến hành phân bổ chi phí bán hàng cho từng hoạt động cụ thể (hoạt động bán hàng hóa, bán thành phẩm, dịch vụ). Tiêu thức phân bổ được sử dụng là giá vốn hàng bán. Ví dụ:

Chi phí bán hàng	Tổng chi phí bán hàng	Giá vốn hàng bán
Đề nghị tập hợp và phân bổ phát sinh trong tháng		
cho hoạt động bán hàng	Tổng giá vốn hàng bán trong tháng	X
chứng từ gốc:		

- Đối với chi phí công cụ - dụng cụ căn cứ là Phiếu xuất kho của vật liệu, công cụ, bao bì xuất dùng cho bộ phận bán hàng;

- Đối với chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng căn cứ vào bảng tính và phân bổ khấu hao;

- Đối với chi phí nhân viên bán hàng căn cứ vào bảng chấm công, bảng thanh toán lương;

- Đối với các khoản chi phí khác phục vụ cho quá trình bán hàng kế toán căn cứ vào chứng từ gốc như: Phiếu chi, Giấy báo Nợ của ngân hàng ...

Kế toán tiền hành nhập liệu các khoản chi phí bán hàng phát sinh vào sổ chi tiết chi phí bán hàng (MS S36-DN). Sổ này được mở chi tiết theo từng nhóm sản phẩm. Cuối tháng phần mềm sẽ tự kết xuất và in ra các sổ liên quan là Sổ chi tiết chi phí kinh doanh và Sổ cái TK 6421.

Ví dụ: Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương do Kế toán tiền lương và BHXH lập tháng 02/2008, căn cứ vào Phiếu chi thanh toán tiền giảm giá hàng bán cho Công ty cổ phần Quốc tế SUN IVY của ví dụ nêu trên:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG

Tháng 02/2008

ST T	TK Có TK Nợ	TK 334		
		Lương	Khoản khác	Cộng
1	TK 6421	80.000.000	34.500.000	114.500.000
2	TK 6422	65.000.000	23.000.000	88.000.000
3	TK 431			
Cộng		145.000.000	57.500.000	202.500.000

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 17: Mẫu bảng Phân bổ tiền lương**Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia****Mẫu số: S02-TT**

(Ban hành theo QĐ số:

15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI**Ngày 15/02/2008**

Nợ: 6418

Số: PC00926

Có: 1111

Họ tên người nhận tiền: Đinh Thị Quyên

Địa chỉ: Công ty cổ phần Quốc tế SUN IVY – 6 Thụy Khuê – Hà Nội

Lý do chi: Thanh toán tiền giảm giá hàng bán 02 tấn hạt nhựa HPP

Số tiền: 9.900.000 VND

Viết bằng chữ: chín triệu chín trăm nghìn đồng chẵn.

Kèm theo chứng từ gốc:

Ngày 15 tháng 02 năm 2008

Người lập	Người nhận	Thủ quỹ	Kế toán	Giám đốc
phiếu	tiền	(Ký, họ	trưởng	(Ký, họ tên)
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	tên)	(Ký, họ tên)	

Biểu 18: Mẫu Phiếu chi

Sổ chi tiết chi phí bán hàng và Sổ cái TK 641 sẽ được kết xuất và in ra như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S36-DN

(Ban hành theo

QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006

của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ BÁN HÀNG**TK: 6421****Nhóm sản phẩm: HATNHUA**

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 641				
SH	NT			Tổng số tiền	TK 6411	TK 6412		TK 6418
		Số dư đầu tháng						
	03/02	Chi phí bao bì	152	289.0 00		289.0 00		
00926	15/02	Thanh toán tiền giảm giá hàng bán HPP	1111	9.900. 000				9.900. 000
		Chi phí nhân viên	334	14.50 0.000	14.50 0.000			

		bán hàng						
...								...
	29/02	Cộng		43.780. 000	17.580. 000	2.345.0 00		12.348. 000
		Số dư cuối kỳ						

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

--	--	--	--	--	--	--

Biểu 19: Mẫu Sổ chi tiết chi phí bán hàng

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng

BTC)

SỔ CÁI**Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp****Số hiệu: 6422****Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008**

Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK đối ứng	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
		Dư đầu tháng				
		<i>Chi phí bao bì</i>		<i>152</i>	<i>289.000</i>	
0092	15/02	Thanh toán tiền giảm		1111	4.884.000	
6		giá hàng bán				
		Chi phí nhân viên bán hàng		334	114.500.000	
						
	29/02	K/c chi phí bán hàng cho HĐ bán hàng hóa		911		159.270.000

	29/02	K/c chi phí bán hàng cho HĐ bán thành phẩm		911		115.603.000
	29/02	K/c chi phí bán hàng cho HĐ cung cấp DV		911		89.790.000
		Tổng			364.663.000	364.663.000
		Dư cuối tháng				

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ**Kế toán trưởng****Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 20: Mẫu Sổ cái TK 6422**□ Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí QLDN là toàn bộ chi phí cho việc quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và các chi phí khác liên quan đến hoạt động của Công ty. Chi phí QLDN được phản ánh qua TK 6422 “Chi phí quản lý”. Tại Cty CP Kinh tế Hoàng Gia TK 642 gồm 7 TK cấp 3:

- TK 64221 “Chi phí nhân viên quản lý”: Tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, các khoản phụ cấp phải trả cho cán bộ nhân viên văn phòng và các phòng ban chức năng.

- TK64222 “Chi phí vật liệu quản lý”: Trị giá vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý như giấy, bút; các loại vật liệu sử dụng để sửa chữa TSCĐ ở bộ phận quản lý.

- TK 64223 “Chi phí đồ dùng văn phòng”: Trị giá các loại đồ dùng sử dụng cho văn phòng như máy in, máy fax, điều hoà, máy tính...

- TK 64224 “Chi phí khấu hao TSCĐ”: Giá trị hao mòn của những TSCĐ sử dụng ở bộ phận quản lý.

- TK 64226 “Chi phí dự phòng”: Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

- TK 64227 “Chi phí dịch vụ mua ngoài”: Các khoản phải chi trả cho bên ngoài do cung cấp lao vụ, dịch vụ như tiền thuê sửa chữa TSCĐ, tiền điện, nước, bưu điện phí....

- TK 64228 “Chi phí bằng tiền khác”: Công tác phí; chi phí giao dịch, đối ngoại; các chi phí đào tạo, huấn luyện;...

Chi phí QLDN phát sinh ở bộ phận nào thì bộ phận đó phải lập bảng kê khai và được Giám đốc ký duyệt. Sau đó, nộp về phòng kế toán kèm theo chứng từ gốc như: Phiếu chi, hóa đơn GTGT để thanh toán. Trên cơ sở đó, kế toán tiến hành hạch toán vào chi phí QLDN.

Cuối kỳ kế toán năm, kế toán cũng tập hợp, tính toán phân bổ chi phí QLDN cho từng hoạt động giống như chi phí bán hàng.

Để tập hợp và phân bổ chi phí QLDN, hàng ngày kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc nhập liệu số liệu vào máy tính, phần mềm MISA sẽ tự động xử lý và cập nhật các khoản chi phí QLDN phát sinh vào sổ chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp (MS S36-DN). Sổ này được mở chi tiết theo từng bộ phận. Cuối tháng kết xuất và in ra các sổ liên quan là Sổ chi tiết chi phí QLDN và Sổ cái TK 642.

Ví dụ: Căn cứ vào bảng phân bổ tiền lương do Kế toán tiền lương và BHXH lập tháng 02/2008 như trên, căn cứ vào Phiếu chi ngày 27/02/2008 chi thanh toán tiền tạm ứng công tác phí cho anh Vũ Bá Huy – nhân viên phòng Kinh doanh

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia**Mẫu số: S02-TT**

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng
BTC)**PHIẾU CHI****Ngày 27/02/2008**

Nợ:

64228

Số: PC00837

Có: 141

Họ tên người nhận tiền: Vũ Bá Huy

Địa chỉ: phòng Kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tạm ứng công tác phí

Số tiền: 5.000.000 VND

Viết bằng chữ: năm triệu đồng chẵn.

Kèm theo chứng từ gốc:

Ngày 27 tháng 02 năm 2008

Người lập	Người nhận	Thủ quỹ	Kế toán	Giám đốc
phiếu	tiền	(Ký, họ	trưởng	(Ký, họ tên)
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	tên)	(Ký, họ tên)	

Biểu 21: Mẫu Phiếu chi

Sổ chi tiết chi phí QLDN và Sổ cái TK 642 sẽ được kết xuất và in ra như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S36-DN

(Ban hành theo

QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006

của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**TK: 642****Bộ phận: phòng Kinh doanh - Phân phối sản phẩm**

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ TK 642		
SH	NT			Tổng số tiền	TK 64221	TK 64222
		Số dư đầu tháng				
	06/02	Chi phí vật liệu	152	545.000		545.000
...						
0083	27/02	Thanh toán tạm ứng công tác phí Mr Huy	141	5.000.000		
7						
		Chi phí nhân viên quản lý	334	11.650.000	11.650.00	
					0	
	29/02	Cộng		35.470.000	13.350.000	5.340.000
		Số dư cuối kỳ				

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu 22: Mẫu Sổ chi tiết chi phí QLDN

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Tài khoản 642

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT				Nợ	Có
	01/0 2	Dư đầu tháng				
	06/0 2	<i>Chi phí vật liệu</i>		152	545.000	
...						
00837	27/0 2	Thanh toán tạm ứng công tác phí		141	5.000.000	
		Chi phí nhân viên quản lý		334	88.000.000	
						
	29/0 2	K/c chi phí QLDN cho HĐ bán hàng hóa		911		118.052.000

	29/0 2	K/c chi phí QLDN cho HĐ bán thành phẩm		911		99.565.000
	29/0 2	K/c chi phí QLDN cho HĐ cung cấp DV		911		76.078.000
		Tổng			293.695.000	293.695.000
		Dư cuối kỳ				

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 23: Mẫu Sổ cái TK 642

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh trong tháng 02/2008 trên, khi kế toán nhập liệu vào máy tính từ các chứng từ gốc sẽ được phần mềm tự động cập nhật vào Sổ Nhật ký chung như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a-DN

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
SH	NT				Nợ	Có
...						

	03/02	Chi phí bao bì		6421 152	289.000	289.000
	05/02	Ghi giảm doanh thu hàng trả lại		531 33311 131	10.950.000 1.095.000	12.045.000
	05/02	Tăng GVHB trong tháng		632 911	10.458.000	10.458.000
	06/0 2	Chi phí vật liệu		6422 8 152	545.000	545.000
0845	08/0 2	Mua hàng công ty Nhật Linh		156 1121	5.617.500.000	5.617.500.000
00926	15/02	Thanh toán tiền GGHB		6421 1111	4.884.000	4.884.000
	21/0 2	Bán hàng cho Công ty TNHH Đức Hà		131 5111	7.300.000	87.000.000
...						
0055	25/0 2	Xuất bán cho công ty Ánh Dương		632 156	4.864.090.90 9	4.864.090.90 9

0055	25/0 2	Ghi nhận doanh thu bán hàng		1121 5111 33311	205.304.000	186.640.000 18.664.000
00837	27/0 2	Thanh toán tạm ứng công tác phí		6422 8 141	5.000.0000	5.000.000
...						
		Chi phí nhân viên bán hàng		6421 334	114.500.000	114.500.000
		Chi phí nhân viên quản lý		6421 334	88.000.000	88.000.000
	29/02	K/c doanh thu hàng bán trả lại		5111 531	10.950.000	10.950.000
	29/02	K/c CPBH cho HĐBH		911 6421	159.270.000	159.270.000
	29/0 2	K/c CP QLDN cho HĐBH		911 642	118.052.000	118.052.000
	29/02	K/c doanh thu thuần		5111 911	1.334.250.000	1.334.250.000
	29/0 2	K/c GVHB		911 632	852.531.000	852.531.000
	29/02	K/c lãi HĐ bán hàng		911 421	204.397.000	204.397.000

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 24: Mẫu Sổ nhật ký chung

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN KẾ TOÁN

TIÊU THỤ HÀNG HOÁ TẠI CP KINH TẾ HOÀNG GIA

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán tiêu thụ hàng hoá tại Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Ngày nay, xu thế toàn cầu hóa đang là đặc điểm chi phối thời đại, như chính nghị quyết Đại hội Đảng Cộng Sản Việt Nam lần thứ X đã khẳng định. Quá trình chúng ta chủ động hội nhập quốc tế, mà việc gia nhập WTO ngày 05/11/2006 là một biểu hiện, có cả cơ hội lẫn thách thức. Trong hoàn cảnh đó, các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử tuy có nhiều ưu thế và điều kiện phát triển nhưng cũng phải đầy bản lĩnh mới có thể tồn tại và phát triển vững chắc trong thị trường cạnh tranh khắc nghiệt này. Để thành công, một trong những bài toán khó mà các doanh nghiệp phải giải quyết đó là xây dựng và hoàn thiện công tác tổ chức quản lý, trong đó kế toán là một công cụ quản lý hữu hiệu trong việc thu thập và cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và hữu ích cho quá trình ra quyết định quản trị thì phải đặc biệt được quan tâm và chú trọng. Thông qua việc hạch toán kế toán hàng hóa và tình hình tiêu thụ hàng hóa bằng việc phản ánh nhanh chóng, chính xác, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh lên chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, kế toán sẽ cung cấp thông tin hữu ích cho ban quản trị để có những quyết sách đúng đắn nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia đã có những thành tựu đáng tự hào trong việc hoàn thiện công tác tổ chức kế

toán nhưng bên cạnh đó cũng tồn tại không ít khó khăn và khiếm khuyết. Để thuận lợi cho qua trình nhìn nhận, khắc phục hạn chế, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác kế toán nói chung và công tác kế toán hàng hóa và tiêu thụ hàng hóa nói riêng, em xin đưa ra một số đánh giá cá nhân về ưu khuyết điểm của Công ty như sau:

3.1.1. Ưu điểm

Về quá trình phát triển. Công ty đã xây dựng cho mình phương châm kinh doanh “Phát triển vì lợi ích khách hàng” nên luôn có những chính sách duy trì những mối quan hệ chặt chẽ với khách hàng, các nhà sản xuất và các bạn hàng trên thị trường nhằm củng cố vị trí của mình và ngày một mở rộng, lớn mạnh, chúng tôi được sự phát triển bền vững qua các giai đoạn khó khăn của nền kinh tế

Công ty cũng ý thức được vai trò quan trọng của kế toán trong công tác quản trị doanh nghiệp nên đã không ngần ngại đầu tư, áp dụng khoa học công nghệ nhằm ngày một hoàn thiện hệ thống kế toán.

Về tổ chức bộ máy kế toán. Qua nghiên cứu, ta thấy được bộ máy kế toán của Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia được tổ chức theo mô hình tập trung, theo hướng chuyên tinh, gọn nhẹ, không chồng chéo. Các kế toán viên được phân công trách nhiệm rõ ràng và phải chịu trách nhiệm về công việc được giao nhưng vẫn phải liên hệ với các phần hành khác thông qua Kế toán tổng hợp nhằm tạo thành một khối thống nhất và vững chắc. Đối với những phần hành đơn giản, phát sinh ít nghiệp vụ thì có thể gộp lại và do 1 kế toán viên phụ trách. Như vậy là hợp lý giúp giảm chi phí cho doanh nghiệp.

Về *áp dụng các chế độ, chuẩn mực kế toán*: Hiện nay, Công ty đang sử dụng và thực hiện Chế độ kế toán doanh nghiệp bao gồm chế độ chứng từ, sổ

sách, tài khoản kế toán và báo cáo tài chính được ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng Bộ Tài chính. Sự vận dụng theo nguyên tắc linh hoạt, chủ động, không cứng nhắc phù hợp với quy mô, đặc điểm ngành nghề kinh doanh và yêu cầu quản trị trong ngoài Công ty. Hơn nữa, trong quá trình hoạt động, kế toán Công ty không ngừng cập nhật, nghiên cứu và áp dụng những thay đổi trong chuẩn mực kế toán, những chế độ, thông tư kế toán mới (về cách tính và kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất nhập khẩu; về điều chỉnh mức lương, về công cụ- dụng cụ phân bổ...) nhằm không ngừng hoàn thiện công tác kế toán thích ứng với sự thay đổi của cơ chế thị trường.

Về hệ thống sổ sách, chứng từ:

□ Sổ sách: Kế toán áp dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung. Việc áp dụng hình thức ghi sổ này rất thuận lợi cho kế toán trong việc theo dõi, phản ánh nghiệp vụ cũng như ghi sổ kế toán vì chu trình khá đơn giản, gọn nhẹ, dễ thực hiện. Đồng thời bộ sổ kế toán dùng trong hình thức này cũng gọn gàng, không cồng kềnh như các hình thức ghi sổ khác nên rất thuận lợi trong việc quản lý và sử dụng sổ sách. Hơn nữa hình thức Nhật ký chung cũng rất phù hợp với một doanh nghiệp sử dụng kế toán máy như Công ty. Việc mở thêm các sổ nhật ký đặc biệt (Thu tiền, chi tiền, bán hàng, mua hàng) hỗ trợ rất nhiều trong việc quản lý những nghiệp vụ này, thuận tiện giúp tránh nhầm lẫn trong phản ánh, nhưng vẫn đảm bảo tính thống nhất các nguồn số liệu ban đầu.

□ Chứng từ: Hệ thống chứng từ của Công ty không chỉ gồm hệ thống chứng từ kế toán bắt buộc được ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của bộ trưởng BTC mà còn có hệ thống chứng từ kế toán hướng do Công ty tự thiết kế mẫu, tự in tuân theo quy định tại điều 17 Luật Kế toán. Sự

vận dụng theo nguyên tắc linh hoạt, chủ động, không cứng nhắc phù hợp với quy mô, đặc điểm ngành nghề kinh doanh và yêu cầu quản trị trong ngoài Công ty. Chứng từ được chu chuyển theo trình tự nhất quán, ghi chép hợp lệ phát huy đầy đủ chức năng thông tin và kiểm tra của chứng từ. Quá trình luân chuyển chứng từ được kiểm tra chặt chẽ và lưu trữ an toàn.

Về *kế toán máy*: Với mục đích hỗ trợ cho công tác quản lý, Công ty đã đưa vào thử nghiệm và áp dụng thành công phần mềm kế toán MISA_SME version 7.9. Phần mềm này được cung cấp bởi Công ty cổ phần MISA (MISA Joint Stock Company) là Công ty hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực phần mềm, có kinh nghiệm lâu năm trong hoạt động tin học hoá công tác quản lý. Với ưu điểm cập nhật các chế độ tài chính-kế toán mới, phần mềm MISA đã hỗ trợ đắc lực cho công tác kế toán, giúp hoạt động kế toán diễn ra một cách dễ dàng, khoa học; giảm sức ép công việc cho các nhân viên kế toán. Nhờ đó quá trình của Công ty luôn được diễn ra trôi chảy, thuận lợi và hiệu quả.

Về *quản lý hàng hoá, thành phẩm*: Việc Công ty tổ chức quản lý hàng hoá, thành phẩm tại 3 kho khác nhau (Kho máy tính, kho thương mại điện tử, kho thành phẩm) là rất hợp lý. Vì các sản phẩm của Công ty có những đặc tính về chất lượng, thông số cũng như điều kiện bảo quản, bảo hành rất khác nhau nên việc quản lý mỗi dòng sản phẩm khác nhau tại các kho khác nhau là cần thiết. Đồng thời việc quản lý sản phẩm và các kho hàng còn được số hoá thông qua mã hoá bởi phần mềm kế toán MISA được thực hiện bởi kế toán kho. Đây là hình thức mới rất tiến bộ và khoa học mà Công ty đã áp dụng hiệu quả.

Về *đáng giá hàng tồn kho*, do kế toán đánh giá hàng hoá tồn kho phản ánh trong các sổ kế toán chi tiết theo giá mua thực tế nên rất thuận lợi khi sử dụng

phương pháp mở thẻ song song trong tổ chức kế toán chi tiết hàng tồn kho. Vì sẽ giảm nhẹ được khối lượng công việc tính toán, ghi chép kế toán chi tiết.

Về tổ chức kế toán chi tiết hàng hoá. Hiện nay, tại Công ty đang tổ chức kế toán chi tiết hàng hoá theo phương pháp mở thẻ song song. Với phương pháp này, hàng hóa được quản lý chặt chẽ cả về số lượng và giá trị, được thực hiện song hành bởi kế toán và thủ kho. Tuy công việc quản lý hàng hóa nhiều và dễ gây phản ánh số liệu trùng lặp nhưng phương pháp này lại rất phù hợp với một doanh nghiệp sử dụng kế toán máy như Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia, đồng thời giúp cung cấp đầy đủ thông tin nhập-xuất-tồn theo từng danh điểm hàng hóa.

3.1.2. Nhược điểm

Để đạt được những thành tựu nêu trên là sự góp sức của cả hệ thống nhân sự của Công ty. Đó là ưu điểm, là thế mạnh đáng tự hào mà Công ty cần không ngừng hoàn thiện và phát huy. Tuy nhiên, bên cạnh đó, nhận thấy công tác kế toán của Công ty còn có một số tồn tại sau:

Thứ nhất, do số lượng nhân viên hành chính và quản lý của Công ty không nhiều nên doanh nghiệp không đăng ký chữ ký mà chỉ quy định thống nhất chữ ký lần sau phải khớp với chữ ký các lần trước đó. Tuy nhiên việc làm này chỉ phù hợp khi quy mô doanh nghiệp còn nhỏ. Trong tương lai khi doanh nghiệp mở rộng hơn nữa quy mô sản xuất và kinh doanh, số lượng nhân viên và các nghiệp vụ tăng lên đáng kể thì việc không đăng ký chữ ký sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp trong công tác quản lý.

Thứ hai, trong tổ chức bộ máy kế toán của Công ty đã bố trí kế toán kho kiêm luôn thủ quỹ. Điều này đã vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm trong kế toán: kế toán viên không được kiêm thủ quỹ. Tuy các nhân viên kế toán của

Công ty đều có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, nhưng việc để nhân viên kế toán kiêm thủ quỹ sẽ dẫn đến rủi ro khó lường, nhiều khi gây thiệt hại lớn.

Thứ ba, về hệ thống TK, chứng từ kế toán. Tại Công ty, để tránh công kênh cho hệ thống TK, có một số TK không được mở chi tiết cho từng đối tượng như TK 641, TK 642, TK 632... Tuy nhiên, do Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực: cơ khí, điện tử, CNTT trong đó có các sản phẩm nhập từ bên ngoài vào và các sản phẩm do Nhà máy Công ty tự sản xuất, hơn nữa Công ty lại áp dụng nhiều phương thức bán hàng khác nhau nên quá trình hạch toán liên quan đến nhiều đối tượng vì vậy việc không mở chi tiết các TK sẽ làm cho việc quản lý các đối tượng hạch toán trở nên khó khăn hơn. Về hệ thống chứng từ, do nghiệp vụ mua bán hàng hóa diễn ra liên tục và phong phú, số lượng chứng từ kế toán nhiều nên việc thực hiện đầy đủ việc ký xác nhận của các bên liên quan nhiều khi không được đảm bảo. Điều này là trái với quy định của Bộ Tài chính.

Thứ tư, về Kế toán quản trị. Để đạt được mục tiêu quản trị hoạt động kinh doanh, đưa ra các quyết định quản lý, chính sách kinh doanh kịp thời đúng đắn, công tác quản trị doanh nghiệp đòi hỏi thông tin kế toán phải đầy đủ, chính xác. Với yêu cầu đó, kế toán quản trị có vai trò trực tiếp cung cấp thông tin chi tiết về tình hình sản xuất kinh doanh cho các nhà quản lý theo yêu cầu quản lý cụ thể. Nhờ vậy, nhà quản lý có thể đưa ra các kế hoạch tiêu thụ phù hợp, nhằm quản lý tốt chi phí nâng cao lợi nhuận tiêu thụ. Công tác kế toán quản trị tại Công ty tuy đã có nhưng chưa thành hệ thống và chưa thường xuyên. Khi có yêu cầu của Ban giám đốc, phòng kế toán mới tập hợp số liệu liên quan, phân tích tổng hợp do vậy mà thông tin cung cấp không kịp thời. Báo cáo tổng hợp doanh số tuy bắt buộc lập từng tháng nộp lên Ban Giám đốc nhưng cũng chưa phát huy được vai

trò của một báo cáo quản trị . Hơn nữa, phần mềm kế toán cũng chưa ứng dụng triệt để trong việc lên các Báo cáo quản trị.

Thứ năm, về Kế toán máy. Kế toán máy tuy đã được áp dụng khá hữu ích trong công tác kế toán tại Công ty nhưng việc áp dụng lại chưa thống nhất trong toàn hệ thống.

3.2. Sự cần thiết và yêu cầu phải hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá tại Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá tại Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Là một doanh nghiệp còn non trẻ, ngay từ đầu Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia đã xác định tiêu chí kinh doanh của mình là “Phát triển vì lợi ích khách hàng”. Tuy nhiên, bên cạnh những nỗ lực của ban quản trị Công ty, trong thời gian thực tập tại Công ty và đi sâu nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ hàng hóa”, em cũng nhận thấy một số tồn tại của công tác kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ hàng hóa nói riêng. Do sản phẩm của Công ty mang tính đa dạng về chủng loại mẫu mã và không ngừng gia tăng về số lượng nên tất nhiên không tránh khỏi những sai sót trong nghiệp vụ. Với tầm quan trọng của công tác trên đối với tương lai phát triển bền vững của Công ty, thiết nghĩ *hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá* là một yêu cầu cấp thiết đặt ra đòi hỏi sự quan tâm hàng đầu của ban quản trị Công ty.

3.2.2. Yêu cầu để hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá tại Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia

Tuy nhiên, để hoàn thiện công tác kế toán tiêu thụ hàng hoá đạt hiệu quả cao nhất là một quá trình cải cách lâu dài. Trước hết, Ban lãnh đạo Công ty cần giành thời gian quan tâm, nghiên cứu, tìm hiểu thực trạng của kế toán hàng hoá và tiêu thụ hàng hoá tại Công ty mình. Hơn nữa, để hoàn thiện, Công ty cũng

phải xây dựng được những điều kiện nhất định nhằm tạo tiền đề thay đổi. Muốn vậy, phải nắm vững và thông suốt yêu cầu để hoàn thiện kế toán hàng hoá và tiêu thụ hàng hoá đặt ra như sau:

- Hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá phải phù hợp với đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty. Phải đảm bảo nhân sự kế toán không bị gia tăng khối lượng và áp lực công việc; bố trí, phân bổ khoa học khối lượng công việc; phải nâng cao được hiệu quả và năng suất làm việc của kế toán viên.

- Phải phù hợp với yêu cầu quản trị, quy mô sản xuất kinh doanh, đặc điểm hàng hóa của Công ty, do vậy cần nghiên cứu để áp dụng hợp lý nhất chế độ chứng từ, sổ sách, các phương pháp quản lý và hạch toán hàng hóa, sử dụng tối ưu phần mềm kế toán. Việc nghiên cứu và áp dụng hợp lý những chế độ trên đóng vai trò quyết định nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá phải phù hợp với các chế độ và chuẩn mực kế toán hiện hành do Nhà nước và Bộ Tài chính ban hành. Ví dụ cắt giảm chi phí, giảm nhẹ khối lượng công việc nhưng không được trái với chế độ quy định. Đồng thời cũng phải linh hoạt trong áp dụng nhằm hạn chế triệt để tình trạng xử lý, ghi chép các nghiệp vụ trùng lặp hoặc gây khó khăn trong kiểm soát, đối chiếu.

- Hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá phải đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm và hiệu quả. Tiết kiệm trong việc sử dụng chi phí, hệ thống nhân sự nhưng phải hiệu quả trong sử dụng nguồn lực và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

3.3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng hoá tại Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Nhận thấy những hạn chế trong công tác kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ hàng hóa nói riêng, thấy được yêu cầu phải hoàn thiện kế toán tiêu thụ hàng

hóa tại Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia, em xin mạnh dạn đưa ra một số đóng góp sau:

Thứ nhất, Công ty nên mở sổ đăng ký mẫu chữ ký (của thủ quỹ, các nhân viên kế toán, kế toán trưởng, Giám đốc và những người được uỷ quyền). Mỗi người phải ký 3 chữ ký mẫu trong sổ đăng ký. Sổ này phải đóng dấu giáp lai và do Giám đốc Công ty quản lý. Việc làm này sẽ giúp Công ty dễ dàng hơn trong việc quản lý nhân sự.

Thứ hai, Công ty nên bố trí một nhân viên thủ quỹ riêng biệt nhằm quản lý và phân tách nghiệp vụ thu chi tiền với các nghiệp vụ kế toán khác để tránh rủi ro biến thủ công quỹ.

Thứ ba, đối với một số TK theo dõi cho nhiều đối tượng khác nhau (TK 511, TK 632, TK 641, TK 642) kế toán nên mở chi tiết các TK. Tuy việc mở chi tiết các TK sẽ làm cho hệ thống TK công kênh hơn nhưng lại giúp cho kế toán thuận lợi hơn trong việc quản lý, dễ dàng hơn trong xử lý nghiệp vụ, tránh nhầm lẫn cũng như trong hạch toán kết quả kinh doanh cho các đối tượng liên quan. Ví dụ:

TK 632 nên mở chi tiết 3 TK cấp II như sau:

TK 6321 - Giá vốn hàng hoá xuất bán

TK 6322 - Giá vốn thành phẩm xuất bán

TK 6323 - Giá vốn dịch vụ thực hiện

Bên cạnh đó có thể mở chi tiết TK cấp III theo từng phương thức tiêu thụ. Ví dụ:

TK 63211 - Giá vốn hàng hoá xuất bán buôn trực tiếp

TK 63212 - Giá vốn hàng hoá xuất bán buôn đại lý

TK 63213 - Giá vốn hàng hoá xuất bán lẻ

Thứ tư, Công ty cần hoàn thiện công tác kế toán quản trị và tăng cường vai trò của phần mềm kế toán trong việc lên báo cáo quản trị. Phải đảm bảo được yêu cầu cung cấp thông tin mang tính quản trị và thực sự hữu ích cho quá trình

ra quyết định của Ban Giám đốc. Báo cáo quản trị phải mang tính chất so sánh và có thể lập theo từng phương thức bán hàng hoặc từng mặt hàng chính nhằm phân tích được kinh doanh mặt hàng nào hoặc theo phương thức nào sẽ đem lại doanh thu và hiệu quả kinh doanh cao hơn. Báo cáo quản trị có thể kèm ý kiến nhận xét của kế toán để nâng cao hiệu quả phân tích. Một số báo cáo quản trị có thể lập như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

BÁO CÁO DOANH THU BÁN HÀNG

(Theo phương thức tiêu thụ hàng hóa)

Tháng 02/2008

STT	Chỉ tiêu	Tổng cộng		Bán buôn tại kho		Bán buôn đại lý		Bán lẻ	
		ST	%	ST	%	ST	%	ST	%
1	Doanh thu thuần								
2	GVH B								
3	Lãi gộp								
4	Chi phí								

	bán hàng, QLD N								
5	Lợi nhuận thuần								

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người lập báo cáo

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 26: Mẫu báo cáo doanh thu bán hàng

Việc phân tích báo cáo trên sẽ cung cấp cho nhà quản trị thấy được trên 100 đồng doanh thu phải bỏ ra bao nhiêu đồng vốn và thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận. Đồng thời cũng có thể so sánh sự đóng góp vào lợi nhuận gộp của các phương thức bán hàng để thấy được nên chú trọng đầu tư vào phương thức nào.

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TIÊU THỤ HÀNG HÓA

Tháng 02/2008

Kho: Kim loại

STT	Mã nhóm	Tên nhóm hàng hóa	Số lượng		Chênh lệch	
			Kế hoạch	Thực tế	Tuyệt đối	Tương đối
1	DKT	Đồng Ka tốt				
2	NT	Nhôm thỏi				
3	TXD	Thép xây dựng				
						
Tổng cộng						

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người lập báo cáo

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 27: Mẫu báo cáo tình hình tiêu thụ hàng hóa

Việc phân tích báo cáo trên sẽ cung cấp cho nhà quản trị thấy được lượng hàng tiêu thụ thực tế so với kế hoạch để từ đó có kế hoạch tiêu thụ cho phù hợp tránh tình trạng tồn đọng hàng hóa.

Thứ năm, đối với khoản chiết khấu thương mại Công ty áp dụng cho các khách hàng mua hàng với khối lượng lớn không hạch toán vào TK 521 “Chiết khấu thương mại” mà được trừ trực tiếp vào giá bán ghi trên hoá đơn GTGT của Công ty. Việc làm này là có cơ sở vì các khách hàng thuộc đối tượng hưởng chiết khấu của Công ty đều là những khách hàng mà Công ty xác định xây dựng mối quan hệ làm ăn lâu dài nên việc mở thêm TK 521 là không cần thiết. Nhưng theo em kế toán vẫn nên theo dõi khoản chiết khấu thương mại riêng trên TK 521, như thế sẽ giúp thuận lợi hơn trong việc ghi nhận giá vốn hàng bán. TK 521 cũng nên mở 3 TK cấp II:

TK 5211 - Chiết khấu hàng hoá

TK 5212 - Chiết khấu thành phẩm

TK 5213 - Chiết khấu dịch vụ

Thứ sáu, đối với những khoản giảm giá áp dụng cho lượng hàng hoá đã bán bị khách hàng trả lại để khách hàng chấp nhận tiêu thụ được kế toán ghi nhận như chi phí bán hàng sẽ làm tăng chi phí của doanh nghiệp và phản ánh sai lệch doanh thu bán hàng. Hơn nữa, cách làm trên là không đúng quy định của Bộ Tài chính. Những khoản này phải được nhìn nhận như một khoản giảm giá hàng bán và được phản ánh vào TK 532 “Giảm giá hàng bán”.

Ví dụ: đối với khoản giảm giá hàng bán cho Công ty cổ phần Quốc tế SUN IVY ngày 15/02/2008 sẽ được hạch toán như sau:

Nợ TK 532: 9.000.000

Nợ TK 33311: 900.000

Có TK 1111: 9.900.000

Cuối kỳ thực hiện kết chuyển:

Nợ TK 5111: 9.000.000

Có TK 532: 9.000.000

Đồng thời mở sổ cái TK 532 như sau:

Công ty CP Kinh tế Hoàng Gia

Mẫu số: S03a4-DN

(Ban hành theo QĐ số:

48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giảm giá hàng bán

Số hiệu: 532

Từ ngày 01/02/2008 đến ngày 29/02/2008

Chứng từ		Diễn giải	Mã khách	Trang NKC	TK ĐƯ	Số tiền	
SH	NT					Nợ	Có
		Dư đầu tháng					
		Giảm giá hàng bán cho Công ty SUN IVY	SUN IVY		1111	9.000.000	
...							
		K/c GGHB			5111		9.000.00 0
		Tổng					
		Dư cuối tháng					

Ngày 29 tháng 02 năm 2008

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 28: Mẫu Sổ cái TK 532

Thứ bảy, trong trường hợp Công ty chuyển hàng cho khách theo hợp đồng chờ chấp nhận. Nghĩa là Công ty đã bàn giao hàng hoá theo đơn đặt hàng của khách hàng hoặc hợp đồng kinh tế nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Sổ hàng hoá này chưa được xác định là đã bán và vẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty. Trên thực tế lượng hàng này luôn được tiêu thụ theo đúng tiến độ và chưa khi nào bị trả lại vì vậy kế toán Công ty không phản ánh qua TK 157 - Hàng gửi bán mà phản ánh như thành phẩm tiêu thụ trực tiếp. Việc này là trái với nguyên tắc kế toán. Kế toán nên mở TK 157 để theo dõi và hạch toán theo đúng nguyên tắc.

Thứ tám, Kế toán Công ty không lập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi nên không mở TK 139 - Dự phòng phải thu khó đòi. Do các khách hàng của Công ty phần lớn là những khách hàng thường xuyên, là những tổ chức lớn và có quan hệ làm ăn uy tín với Công ty, hơn nữa Công ty có đặt ra chính sách chiết khấu thanh toán (Ví dụ nếu khách hàng thanh toán trả chậm 30 ngày thì mức chiết khấu thanh toán là 0,3% /10 ngày) nhằm khuyến khích thanh toán trước hạn còn đối với khách hàng không thường xuyên thì thanh toán trực tiếp nên chưa xuất hiện các khoản nợ thực sự xấu. Tuy nhiên hiện nay lượng vốn bị chiếm dụng của Công ty chiếm tỷ trọng khá cao trong tổng nguồn vốn kinh doanh do hình thức thanh toán chủ yếu là các khoản phải thu nên Công ty cần theo dõi chặt chẽ các khoản công nợ, phân loại nợ, lập Bảng theo dõi tuổi nợ đặc biệt đối với các khoản nợ tồn đọng (phải ghi rõ tên, địa chỉ, nội dung từng khoản

nợ, số tiền phải thu của từng khách nợ trong đó ghi rõ số nợ quá hạn đồng thời phải quản lý chặt chẽ các chứng từ gốc xác nhận (hợp đồng kinh tế, bản thanh lý hợp đồng, biên bản đối chiếu công nợ, cam kết nợ....). Đồng thời có thể chọn lập dự phòng cho những khách hàng có quy mô nợ lớn, tuổi nợ quá hạn cao, tình hình tài chính khó khăn. Mức trích lập có thể áp dụng theo Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.

Thứ chín, tại Công ty, khoản chi phí thu mua hàng hoá không được theo dõi riêng trên TK 1562-Chi phí thu mua hàng hoá mà theo dõi cùng với giá mua hàng hoá trên TK 156, toàn bộ chi phí thu mua phát sinh trong kỳ đều được tính là chi phí phát sinh ngay trong kỳ đó, kể cả chi phí của số lượng hàng tồn cuối kỳ, điều này sẽ ảnh hưởng đến giá trị của HTK cuối kỳ. Vì vậy, theo em, Kế toán nên theo dõi riêng biệt trị giá mua và chi phí thu mua hàng hoá trên TK 1561 và 1562. Đến cuối tháng, chi phí thu mua sẽ được phân bổ cho số hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ theo công thức đã đề cập ở phần trên. Như vậy, một phần chi phí mua hàng phân bổ cho HTK sẽ được loại ra khỏi chi phí trong kỳ kinh doanh và việc xác định kết quả kinh doanh sẽ chính xác hơn.

Thứ mười, khoản dự phòng thiệt hại giảm giá hàng tồn kho được kế toán tính vào chi phí quản lý kinh doanh (TK 6426). Theo em, điều này là không hợp lý và cũng không phù hợp với chế độ kế toán mới. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập nhằm bù đắp các khoản thiệt hại thực tế do hàng hoá tồn kho bị giảm giá, đồng thời cũng để phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho khi lập báo cáo tài chính vì vậy khoản dự phòng thiệt hại giảm

giá hàng tồn kho nên được tính vào giá vốn hàng bán. Quá trình hạch toán diễn ra như sau:

- Cuối niên độ kế toán năm, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán năm sau:

- Nếu số dự phòng phải lập năm sau lớn hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết kế toán lập thêm phần chênh lệch và ghi:

Nợ TK 632: Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho

CÓ TK 159

- Nếu số dự phòng phải lập năm sau nhỏ hơn số dự phòng năm trước chưa sử dụng hết kế toán hoàn nhập dự phòng phần chênh lệch và ghi:

№ TK 159

Có TK 632: Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Thứ mười một, Công ty sử dụng hình thức ghi sổ Nhật ký chung và có mở các sổ Nhật ký chuyên dụng song hành với sổ Nhật ký chung để thuận tiện cho quá trình quản lý hàng hóa. Các số liệu trên các sổ Nhật ký mua hàng, Nhật ký bán hàng là do phần mềm MISA tự động bóc tách từ sổ Nhật ký chung và cập nhật lên. Do đó, gây ra sự trùng lặp về số liệu, nghiệp vụ ghi chép giữa 2 loại sổ này. Do phần mềm tự xử lý nên hạn chế trên không gây phức tạp hơn cho quá trình xử lý dữ liệu của kế toán tuy nhiên cũng dễ gây sai sót, trùng lặp trong quản lý. Vì vậy, nếu thuận lợi, thiết nghĩ Công ty nên nâng cấp phần mềm để khắc phục hiện tượng trên.

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô giáo khoa Tài chính- Kế toán đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của cô giáo hướng dẫn Thạc sỹ Nguyễn Thị Mỹ và các anh chị cán bộ phòng kế toán Công ty Cổ phần Kinh tế Hoàng Gia đã hướng dẫn chỉ bảo em hoàn thành chuyên đề này.

